SỞ XÂY DỰNG

DANH SÁCH 342 CĂN NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI THUỘC DỰ ÁN ĐẠI PHƯỚC OASIA SWANBAY TẠI CÙ LAO ÔNG CỒN, XÃ ĐẠI PHƯỚC, TỈNH ĐỒNG NAI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI PHƯỚC SWANBAYCITY ONE

(Đính kèm theo văn bản số 6453/SoXD-QLN&TTBĐS ngày 13/12/2025 của Sở Xây dựng)

STT	Ký hiệu căn	Mẫu nhà	Chức năng	Diện tích đất/ 1 lô (m²)	Diện tích xây dựng/ 1 lô (m²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao	Tổng diện tích sàn xây dựng (m²)	Quyết định giao đất	Ghi chú
Lô BT13 - 10 căn		GCNQSD số	CT933815	424173.5						
1	BT13-01	SVe	Nhà biệt thự phố	477.0	95.2	20.00%	3	334.5	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
2	BT13-02	SVa	Nhà biệt thự phố	455.0	127.4		3	416.9		
3	BT13-03	SVa	Nhà biệt thự phố	455.0	127.4	28.00%	3	416.9		
4	BT13-04	SVa	Nhà biệt thự phố	455.0	127.4	28.00%	3	416.9		
5	BT13-05	SVc	Nhà biệt thự phố	441.0	108.8	24.60%	3	355.8		
6	BT13-06	SVb	Nhà biệt thự phố	722.0	123.8	17.10%	3	410.3		
7	BT13-07	SVb	Nhà biệt thự phố	585.0	123.8	21.20%	3	410.3		
8	BT13-08	SVc	Nhà biệt thự phố	385.0	108.8	28.30%	3	355.8		
9	BT13-09	SVa	Nhà biệt thự phố	432.0	127.4	29.50%	3	416.9		
10	BT13-10	SVe	Nhà biệt thự phố	452.0	95.2	21.00%	3	334.5		
Lô BT14 - 10 căn		GCNQSD số	CT933816	4496.0						
11	BT14-01	SVe	Nhà biệt thự phố	476.0	95.2	20.00%	3	334.5	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
12	BT14-02	SVa	Nhà biệt thự phố	448.0	127.4	28.40%	3	416.9		
13	BT14-03	SVa	Nhà biệt thự phố	448.0	127.4	28.40%	3	416.9		
14	BT14-04	SVa	Nhà biệt thự phố	448.0	127.4	28.40%	3	416.9		
15	BT14-05	SVa	Nhà biệt thự phố	448.0	127.4	28.40%	3	416.9		
16	BT14-06	SVa	Nhà biệt thự phố	448.0	127.4	28.40%	3	416.9		
17	BT14-07	SVa	Nhà biệt thự phố	448.0	127.4	28.40%	3	416.9		
18	BT14-08	SVa	Nhà biệt thự phố	448.0	127.4	28.40%	3	416.9		
19	BT14-09	SVa	Nhà biệt thự phố	445.0	127.4	28.60%	3	416.9		
20	BT14-10	SVf	Nhà biệt thự phố	439.0	90.5	20.60%	3	332.8		
Lô BT15 - 6 căn		GCNQSD số	CT933817	2015.0						
21	BT15-01	Va3ss	Nhà biệt thự vườn	341.0	86.8	25.50%	3	274.5	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
22	BT15-02	Vb1sA	Nhà biệt thự vườn	348.0	104.2	30.00%	3	307.1		
23	BT15-03	Va2	Nhà biệt thự vườn	352.0	104.1	29.60%	3	316.6		
24	BT15-04	Va3	Nhà biệt thự vườn	320.0	91.1	28.40%	3	264.4		
25	BT15-05	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	320.0	92	28.80%	3	276		
26	BT15-06	Va3	Nhà biệt thự vườn	334.0	91.1	27.30%	3	264.4		
Lô BT16 - 5 căn		GCNQSD số	CT933818	1624.0						
27	BT16-01	Vb1	Nhà biệt thự vườn	329.0	98.6	30.00%	3	280.4	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
28	BT16-02	Vb1	Nhà biệt thự vườn	345.0	101.1	29.30%	3	282.8		
29	BT16-03	Va3	Nhà biệt thự vườn	316.0	91.1	28.80%	3	264.4		
30	BT16-04	Va3	Nhà biệt thự vườn	320.0	91.1	28.50%	3	264.4		
31	BT16-05	Va3s	Nhà biệt thự vườn	314.0	94.2	30.00%	3	289.5		
Lô BT17 - 2 Căn		GCNQSD số	CT933819	878.0						
32	BT17-01	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	423.0	112.6	26.60%	3	321.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
33	BT17-02	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	455.0	112.6	24.70%	3	321.3		
Lô BT18 - 8 Căn		GCNQSD số	CT933820	3562.0						
34	BT18-01	Vd2	Nhà biệt thự vườn	383.0	93.8	24.50%	3	289.2	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai Đồng Nai	
35	BT18-02	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	375.0	112.6	30.00%	3	321.3		
36	BT18-03	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	429.0	112.6	26.20%	3	321.3		
37	BT18-04	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	461.0	112.6	24.40%	3	321.3		
38	BT18-05	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	450.0	112.6	25.00%	3	321.3		
39	BT18-06	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	435.0	112.6	25.90%	3	321.3		
40	BT18-07	Vb1	Nhà biệt thự vườn	494.0	101.1	20.50%	3	282.8		
41	BT18-08	Vb1	Nhà biệt thự vườn	535.0	101.1	18.90%	3	282.8		
Lô BT19 - 7 Căn		GCNQSD số	CT 933821	3132.0						
42	BT19-01	Va1	Nhà biệt thự vườn	428.0	127.6	29.80%	3	337.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
43	BT19-02	Vb2	Nhà biệt thự vườn	405.0	110.3	27.20%	3	315.2		
44	BT19-03	Va1A	Nhà biệt thự vườn	409.0	112.7	27.60%	3	309.4		
45	BT19-04	Vb2	Nhà biệt thự vườn	537.0	110.3	20.50%	3	315.2		
46	BT19-05	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	456.0	112.6	24.70%	3	321.3		
47	BT19-06	Va2	Nhà biệt thự vườn	371.0	104.1	28.10%	3	316.6		
48	BT19-07	Va1	Nhà biệt thự vườn	526.0	127.6	24.30%	3	337.3		
Lô BT20 - 4 Căn		GCNQSD số	CT933822	1639.0						
49	BT20-01	Vb1	Nhà biệt thự vườn	389.0	101.1	26.00%	3	282.8	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
50	BT20-02	Vb1	Nhà biệt thự vườn	383.0	101.1	26.40%	3	282.8		
51	BT20-03	Vb1	Nhà biệt thự vườn	434.0	101.1	23.30%	3	282.8		
52	BT20-04	Vb1	Nhà biệt thự vườn	433.0	101.1	23.40%	3	282.8		
Lô BT21 - 5 căn		GCNQSD số	CT 933823	2029.0						
53	BT21-01	Va1A	Nhà biệt thự vườn	382.0	112.7	29.50%	3	309.4	Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; Quyết định 4506/QĐ-UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 quyết định số 4506/QĐ-UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
54	BT21-02	Va1A	Nhà biệt thự vườn	378.0	112.7	29.80%	3	309.4		
55	BT21-03	CC2	Nhà biệt thự vườn	401.0	92.3	23.00%	3	233.7		
56	BT21-04	Vb1	Nhà biệt thự vườn	443.0	101.1	22.80%	3	282.8		
57	BT21-05	Vb1	Nhà biệt thự vườn	425.0	101.1	23.80%	3	282.8		
Lô BT22 – 5 Căn		GCNQSD số	CT 933824	2181.0						
58	BT22-01	Va1A	Nhà biệt thự vườn	398.0	112.7	28.30%	3	309.4	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
59	BT22-02	Va1A	Nhà biệt thự vườn	378.0	112.7	29.80%	3	309.4		
60	BT22-03	CC2	Nhà biệt thự vườn	387.0	92.3	23.90%	3	233.7		
61	BT22-04	Vb1	Nhà biệt thự vườn	460.0	101.1	22.00%	3	282.8		
62	BT22-05	Vb1	Nhà biệt thự vườn	558.0	101.1	18.10%	3	282.8		
Lô BT23 – 2 Căn		GCNQSD số	CT 933825	667.0						
63	BT23-01	Vd1	Nhà biệt thự vườn	335.0	100.3	30.00%	3	315.5	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
64	BT23-02	CC1	Nhà biệt thự vườn	332.0	60	18.10%	3	166.3		
Lô BT24 - 3 Căn		GCNQSD số	CT 933826	1611.0						
65	BT24-01	Va1	Nhà biệt thự vườn	600.0	127.6	21.30%	3	337.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
66	BT24-02	Va1	Nhà biệt thự vườn	485.0	127.6	26.30%	3	337.3		
67	BT24-03	Va1	Nhà biệt thự vườn	526.0	127.6	24.30%	3	337.3		
Lô BT25 – 4 Căn		GCNQSD số	CT 933827	1839.0						
68	BT25-01	Va1	Nhà biệt thự vườn	602.0	127.6	21.20%	3	337.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
69	BT25-02	Va1	Nhà biệt thự vườn	520.0	127.6	24.50%	3	337.3		
70	BT25-03	Vd1	Nhà biệt thự vườn	373.0	100.3	26.90%	3	315.5		
71	BT25-04	CC1	Nhà biệt thự vườn	344.0	60	17.50%	3	166.3		
Lô BT26 – 2 Căn		GCNQSD số	CT 933828	864.0						
72	BT26-01	Va1	Nhà biệt thự vườn	445.0	127.6	28.70%	3	337.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
73	BT26-02	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	419.0	112.6	26.80%	3	321.3		
Lô BT27 - 2 Căn		GCNQSD số	CT 933842	727.0						
74	BT27-01	CC1	Nhà biệt thự vườn	361.0	60	16.60%	3	166.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
75	BT27-02	Vd1	Nhà biệt thự vườn	366.0	100.3	27.40%	3	315.5		
Lô BT28 – 3 Căn		GCNQSD số	CT 933843	1350.0						
76	BT28-01	CC1	Nhà biệt thự vườn	359.0	60	16.70%	3	166.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
77	BT28-02	Vd1	Nhà biệt thự vườn	404.0	100.3	24.80%	3	315.5		
78	BT28-03	Va1	Nhà biệt thự vườn	587.0	127.6	21.70%	3	337.3		
Lô BT29 - 4 Căn		GCNQSD số	CT933844	1877.0						
79	BT29-01	CC1	Nhà biệt thự vườn	488.0	60	12.30%	3	166.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
80	BT29-02	Vd1	Nhà biệt thự vườn	475.0	100.3	21.10%	3	315.5		
81	BT29-03	CC1	Nhà biệt thự vườn	457.0	60	13.10%	3	166.3		
82	BT29-04	Va1	Nhà biệt thự vườn	457.0	127.6	27.90%	3	337.3		
Lô BT30 - 2 Căn		GCNQSD số	CT 933845	738.0						
83	BT30-01	CC1	Nhà biệt thự vườn	312.0	60	19.20%	3	166.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
84	BT30-02	Vd1	Nhà biệt thự vườn	426.0	100.3	23.50%	3	315.5		
Lô BT31 - 17 Căn		GCNQSD số	CT933846	7583.0						
85	BT31-01	SVa	Nhà biệt thự phố	476.0	127.4	26.80%	3	416.9	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
86	BT31-02	SVa	Nhà biệt thự phố	446.0	127.4	28.50%	3	416.9		
87	BT31-03	SVa	Nhà biệt thự phố	447.0	127.4	28.50%	3	416.9		
88	BT31-04	SVa	Nhà biệt thự phố	447.0	127.4	28.50%	3	416.9		
89	BT31-05	SVa	Nhà biệt thự phố	447.0	127.4	28.50%	3	416.9		
90	BT31-06	SVa	Nhà biệt thự phố	447.0	127.4	28.50%	3	416.9		
91	BT31-07	SVa	Nhà biệt thự phố	448.0	127.4	28.50%	3	416.9		
92	BT31-08	SVa	Nhà biệt thự phố	448.0	127.4	28.40%	3	416.9		
93	BT31-09	SVa	Nhà biệt thự phố	448.0	127.4	28.40%	3	416.9		
94	BT31-10	SVa	Nhà biệt thự phố	449.0	127.4	28.40%	3	416.9		
95	BT31-11	SVa	Nhà biệt thự phố	449.0	127.4	28.40%	3	416.9		
96	BT31-12	SVc	Nhà biệt thự phố	456.0	108.8	23.90%	3	355.8		
97	BT31-13	SVc	Nhà biệt thự phố	402.0	108.8	27.10%	3	355.8		
98	BT31-14	SVc	Nhà biệt thự phố	413.0	108.8	26.30%	3	355.8		
99	BT31-15	SVc	Nhà biệt thự phố	443.0	108.8	24.50%	3	355.8		
100	BT31-16	SVa	Nhà biệt thự phố	453.0	127.4	28.10%	3	416.9		
101	BT31-17	SVa	Nhà biệt thự phố	464.0	127.4	27.50%	3	416.9		
Lô BT32 - 5 Căn		GCNQSD số	CT933847	1851.0						
102	BT32-01	Vd2s	Nhà biệt thự vườn	330.0	89.3	27.10%	3	268.8	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
103	BT32-02	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	337.0	92	27.30%	3	276		
104	BT32-03	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	347.0	92	26.50%	3	276		
105	BT32-04	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	431.0	112.6	26.10%	3	321.3		
106	BT32-05	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	406.0	112.6	27.70%	3	321.3		
Lô BT33 – 5 Căn		GCNQSD số	CT933848	2104.0						
107	BT33-01	Vd1	Nhà biệt thự vườn	419.0	100.3	23.90%	3	315.5	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
108	BT33-02	Vb2	Nhà biệt thự vườn	405.0	110.3	27.20%	3	315.2		
109	BT33-03	Va1A	Nhà biệt thự vườn	392.0	112.7	28.70%	3	309.4		
110	BT33-04	Va1	Nhà biệt thự vườn	442.0	127.6	28.90%	3	337.3		
111	BT33-05	Va1	Nhà biệt thự vườn	446.0	127.6	28.60%	3	337.3		
Lô BT34 – 5 Căn		GCNQSD số	CT933849	2109.0						
112	BT34-01	Vd1	Nhà biệt thự vườn	409.0	100.3	24.50%	3	315.5	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
113	BT34-02	Vb2	Nhà biệt thự vườn	391.0	110.3	28.20%	3	315.2		
114	BT34-03	Va1A	Nhà biệt thự vườn	416.0	112.7	27.10%	3	309.4		
115	BT34-04	Va1	Nhà biệt thự vườn	440.0	127.6	29.00%	3	337.3		
116	BT34-05	Va1	Nhà biệt thự vườn	453.0	127.6	28.20%	3	337.3		
Lô BT35 - 5 Căn		GCNQSD số	CT933850	2259.0						
117	BT35-01	Vd1	Nhà biệt thự vườn	434.0	100.3	23.10%	3	315.5	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
118	BT35-02	Vb2	Nhà biệt thự vườn	405.0	110.3	27.20%	3	315.2		
119	BT35-03	Va1A	Nhà biệt thự vườn	391.0	112.7	28.80%	3	309.4		
120	BT35-04	Vb1	Nhà biệt thự vườn	473.0	101.1	21.40%	3	282.8		
121	BT35-05	Va1	Nhà biệt thự vườn	556.0	127.6	23.00%	3	337.3		
Lô BT36 – 2 Căn		GCNQSD số	CT933851	1071.0						
122	BT36-01	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	546.0	112.6	20.60%	3	321.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
123	BT36-02	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	525.0	112.6	21.50%	3	321.3		
Lô BT37 - 8 Căn		GCNQSD số	CT933852	4050.0						
124	BT37-01	Va1	Nhà biệt thự vườn	510.0	127.6	25.00%	3	337.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
125	BT37-02	Vb2	Nhà biệt thự vườn	510.0	110.3	21.60%	3	315.2		
126	BT37-03	Va1	Nhà biệt thự vườn	510.0	127.6	25.00%	3	337.3		
127	BT37-04	Vb2	Nhà biệt thự vườn	433.0	110.3	25.40%	3	315.2		
128	BT37-05	Vb2	Nhà biệt thự vườn	433.0	110.3	25.40%	3	315.2		
129	BT37-06	Vb1	Nhà biệt thự vườn	438.0	101.1	23.10%	3	282.8		
130	BT37-07	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	587.0	112.6	19.20%	3	321.3		
131	BT37-08	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	629.0	112.6	17.90%	3	321.3		
Lô BT38 – 5 Căn		GCNQSD số	CT933853	2258.0						
132	BT38-01	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	425.0	112.6	26.50%	3	321.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
133	BT38-02	Vb1sA	Nhà biệt thự vườn	360.0	104.2	29.00%	3	307.1		
134	BT38-03	Vb1sA	Nhà biệt thự vườn	367.0	104.2	28.40%	3	307.1		
135	BT38-04	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	534.0	112.6	21.10%	3	321.3		
136	BT38-05	Va1	Nhà biệt thự vườn	572.0	127.6	22.30%	3	337.3		
Lô BT39 - 5 Căn		GCNQSD số	CT933854	2401.0						
137	BT39-01	Va1A	Nhà biệt thự vườn	419.0	112.7	26.90%	3	309.4	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
138	BT39-02	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	408.0	112.6	27.60%	3	321.3		
139	BT39-03	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	470.0	112.6	24.00%	3	321.3		
140	BT39-04	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	548.0	112.6	20.50%	3	321.3		
141	BT39-05	Va1	Nhà biệt thự vườn	556.0	127.6	23.00%	3	337.3		
Lô BT40 – 2 Căn		GCNQSD số	CT933855	1044.0						
142	BT40-01	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	494.0	112.6	22.80%	3	321.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
143	BT40-02	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	550.0	112.6	20.50%	3	321.3		
Lô BT41 – 5 Căn		GCNQSD số	CT933856	2243.0						
144	BT41-01	Va1	Nhà biệt thự vườn	427.0	127.6	29.90%	3	337.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
145	BT41-02	Vb2	Nhà biệt thự vườn	425.0	110.3	26.00%	3	315.2		
146	BT41-03	Vb1	Nhà biệt thự vườn	423.0	101.1	23.90%	3	282.8		
147	BT41-04	Va1	Nhà biệt thự vườn	495.0	127.6	25.80%	3	337.3		
148	BT41-05	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	473.0	112.6	23.80%	3	321.3		
Lô BT42 - 9 Căn		GCNQSD số	CT933857	3833.0						
149	BT42-01	Va1	Nhà biệt thự vườn	459.0	127.6	27.80%	3	337.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
150	BT42-02	Vb2	Nhà biệt thự vườn	408.0	110.3	27.00%	3	315.2		
151	BT42-03	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	429.0	112.6	26.20%	3	321.3		
152	BT42-04	Vb2	Nhà biệt thự vườn	428.0	110.3	25.70%	3	315.2		
153	BT42-05	Vb2	Nhà biệt thự vườn	420.0	110.3	26.30%	3	315.2		
154	BT42-06	Vd1	Nhà biệt thự vườn	393.0	100.3	25.50%	3	315.5		
155	BT42-07	Vd1	Nhà biệt thự vườn	432.0	100.3	23.20%	3	315.5		
156	BT42-08	Vb2	Nhà biệt thự vườn	432.0	110.3	25.50%	3	315.2		
157	BT42-09	Vb2	Nhà biệt thự vườn	432.0	110.3	25.50%	3	315.2		
Lô BT43 – 5 Căn		GCNQSD số	CT933858	2134.0						
158	BT43-01	Vb1	Nhà biệt thự vườn	526.0	101.1	19.20%	3	282.8	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
159	BT43-02	Vb1	Nhà biệt thự vườn	440.0	101.1	23.00%	3	282.8		
160	BT43-03	Va1A	Nhà biệt thự vườn	405.0	112.7	27.80%	3	309.4		
161	BT43-04	Va1A	Nhà biệt thự vườn	378.0	112.7	29.80%	3	309.4		
162	BT43-05	CC2	Nhà biệt thự vườn	385.0	92.3	24.00%	3	233.7		
Lô BT44 - 5 Căn		GCNQSD số	CT933859	2034.0						
163	BT44-01	Vb1	Nhà biệt thự vườn	420.0	101.1	24.10%	3	282.8	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
164	BT44-02	Vb1	Nhà biệt thự vườn	451.0	101.1	22.40%	3	282.8		
165	BT44-03	Va1A	Nhà biệt thự vườn	402.0	112.7	28.00%	3	309.4		
166	BT44-04	Va1A	Nhà biệt thự vườn	378.0	112.7	29.80%	3	309.4		
167	BT44-05	CC2	Nhà biệt thự vườn	383.0	92.3	24.10%	3	233.7		
Lô BT45 – 5 Căn		GCNQSD số	CT933860	2029.0						
168	BT45-01	Vb1	Nhà biệt thự vườn	431.0	101.1	23.40%	3	282.8	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
169	BT45-02	Vb1	Nhà biệt thự vườn	437.0	101.1	23.20%	3	282.8		
170	BT45-03	Va1A	Nhà biệt thự vườn	386.0	112.7	29.20%	3	309.4		
171	BT45-04	Va1A	Nhà biệt thự vườn	378.0	112.7	29.80%	3	309.4		
172	BT45-05	CC2	Nhà biệt thự vườn	397.0	92.3	23.20%	3	233.7		
Lô BT46 – 5 Căn		GCNQSD số	CT933861	2028.0						
173	BT46-01	Vb1	Nhà biệt thự vườn	425.0	101.1	23.80%	3	282.8	Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; Quyết định 4506/QĐ-UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 quyết định số 4506/QĐ-UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
174	BT46-02	Vb1	Nhà biệt thự vườn	442.0	101.1	22.90%	3	282.8		
175	BT46-03	Va1A	Nhà biệt thự vườn	383.0	112.7	29.40%	3	309.4		
176	BT46-04	Va1A	Nhà biệt thự vườn	378.0	112.7	29.80%	3	309.4		
177	BT46-05	CC2	Nhà biệt thự vườn	400.0	92.3	23.10%	3	233.7		
Lô BT47 – 4 Căn		GCNQSD số	CT 933862	1643.0						
178	BT47-01	Vb1	Nhà biệt thự vườn	431.0	101.1	23.50%	3	282.8	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
179	BT47-02	Vb1	Nhà biệt thự vườn	437.0	101.1	23.10%	3	282.8		
180	BT47-03	Vb1	Nhà biệt thự vườn	387.0	101.1	26.10%	3	282.8		
181	BT47-04	Vb1	Nhà biệt thự vườn	388.0	101.1	26.00%	3	282.8		
Lô BT48 – 12 Căn		GCNQSD số	CT933863	5505.0						
182	BT48-01	SVa	Nhà biệt thự phố	538.0	127.4	23.70%	3	416.9	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
183	BT48-02	SVa	Nhà biệt thự phố	472.0	127.4	27.00%	3	416.9		
184	BT48-03	SVa	Nhà biệt thự phố	485.0	127.4	26.30%	3	416.9		
185	BT48-04	SVa	Nhà biệt thự phố	459.0	127.4	27.70%	3	416.9		
186	BT48-05	SVa	Nhà biệt thự phố	459.0	127.4	27.80%	3	416.9		
187	BT48-06	SVa	Nhà biệt thự phố	459.0	127.4	27.80%	3	416.9		
188	BT48-07	SVa	Nhà biệt thự phố	459.0	127.4	27.80%	3	416.9		
189	BT48-08	SVa	Nhà biệt thự phố	459.0	127.4	27.80%	3	416.9		
190	BT48-09	SVa	Nhà biệt thự phố	459.0	127.4	27.80%	3	416.9		
191	BT48-10	SVa	Nhà biệt thự phố	459.0	127.4	27.80%	3	416.9		
192	BT48-11	SVd	Nhà biệt thự phố	398.0	102.2	25.70%	3	340.6		
193	BT48-12	SVc	Nhà biệt thự phố	399.0	108.8	27.30%	3	355.8		
Lô BT59 – 11 Căn		GCNQSD số	CT933829	5728.0						
194	BT59-01	SVb	Nhà biệt thự phố	578.0	123.8	21.40%	3	410.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
195	BT59-02	SVa	Nhà biệt thự phố	459.0	127.4	27.80%	3	416.9		
196	BT59-03	SVc	Nhà biệt thự phố	433.0	108.8	25.10%	3	355.8		
197	BT59-04	SVb	Nhà biệt thự phố	723.0	123.8	17.10%	3	410.3		
198	BT59-05	SVb	Nhà biệt thự phố	745.0	123.8	16.60%	3	410.3		
199	BT59-06	SVc	Nhà biệt thự phố	416.0	108.8	26.20%	3	355.8		
200	BT59-07	SVa	Nhà biệt thự phố	471.0	127.4	27.10%	3	416.9		
201	BT59-08	SVa	Nhà biệt thự phố	471.0	127.4	27.10%	3	416.9		
202	BT59-09	SVa	Nhà biệt thự phố	471.0	127.4	27.10%	3	416.9		
203	BT59-10	SVa	Nhà biệt thự phố	471.0	127.4	27.10%	3	416.9		
204	BT59-11	SVe	Nhà biệt thự phố	490.0	95.2	19.40%	3	334.5		
Lô BT60 – 9 Căn		GCNQSD số	CT933830	3691.0						
205	BT60-01	Vd1	Nhà biệt thự vườn	432.0	100.3	23.20%	3	315.5	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
206	BT60-02	Vb2	Nhà biệt thự vườn	379.0	110.3	29.10%	3	315.2		
207	BT60-03	Vb2	Nhà biệt thự vườn	379.0	110.3	29.10%	3	315.2		
208	BT60-04	Va3ss	Nhà biệt thự vườn	458.0	86.8	18.90%	3	274.5		
209	BT60-05	Va2s	Nhà biệt thự vườn	420.0	116.2	27.70%	3	353.4		
210	BT60-06	Vb2	Nhà biệt thự vườn	387.0	110.3	28.50%	3	315.2		
211	BT60-07	Vb2	Nhà biệt thự vườn	387.0	110.3	28.50%	3	315.2		
212	BT60-08	Vb2	Nhà biệt thự vườn	382.0	110.3	28.80%	3	315.2		
213	BT60-09	Vd1	Nhà biệt thự vườn	467.0	100.3	21.50%	3	315.5		
Lô BT61 – 8 Căn		GCNQSD số	CT933831	2828.0						
214	BT61-01	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	439.0	112.6	25.70%	3	321.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
215	BT61-02	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	322.0	92	28.50%	3	276		
216	BT61-03	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	320.0	92	28.80%	3	276		
217	BT61-04	Va3	Nhà biệt thự vườn	372.0	91.1	24.50%	3	264.4		
218	BT61-05	Vb1sA	Nhà biệt thự vườn	374.0	104.2	27.90%	3	307.1		
219	BT61-06	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	308.0	92	29.90%	3	276		
220	BT61-07	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	308.0	92	29.90%	3	276		
221	BT61-08	Va3ss	Nhà biệt thự vườn	385.0	86.8	22.50%	3	274.5		
Lô BT62 – 7 Căn		GCNQSD số	CT933832	2491.0						
222	BT62-01	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	437.0	112.6	25.80%	3	321.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
223	BT62-02	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	308.0	92	29.90%	3	276		
224	BT62-03	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	416.0	112.6	27.10%	3	321.3		
225	BT62-04	Va2	Nhà biệt thự vườn	347.0	104.1	30.00%	3	316.6		
226	BT62-05	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	308.0	92	29.90%	3	276		
227	BT62-06	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	308.0	92	29.90%	3	276		
228	BT62-07	Va3ss	Nhà biệt thự vườn	367.0	86.8	23.60%	3	274.5		
Lô BT63 – 13 Căn		GCNQSD số	CT933833	5835.0						
229	BT63-01	SVa	Nhà biệt thự phố	546.0	127.4	23.30%	3	416.9	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
230	BT63-02	SVa	Nhà biệt thự phố	486.0	127.4	26.20%	3	416.9		
231	BT63-03	SVa	Nhà biệt thự phố	486.0	127.4	26.20%	3	416.9		
232	BT63-04	SVa	Nhà biệt thự phố	469.0	127.4	27.20%	3	416.9		
233	BT63-05	SVc	Nhà biệt thự phố	398.0	108.8	27.30%	3	355.8		
234	BT63-06	SVc	Nhà biệt thự phố	400.0	108.8	27.20%	3	355.8		
235	BT63-07	SVd	Nhà biệt thự phố	414.0	102.2	24.70%	3	340.6		
236	BT63-08	SVa	Nhà biệt thự phố	432.0	127.4	29.50%	3	416.9		
237	BT63-09	SVa	Nhà biệt thự phố	432.0	127.4	29.50%	3	416.9		
238	BT63-10	SVa	Nhà biệt thự phố	432.0	127.4	29.50%	3	416.9		
239	BT63-11	SVa	Nhà biệt thự phố	432.0	127.4	29.50%	3	416.9		
240	BT63-12	SVa	Nhà biệt thự phố	432.0	127.4	29.50%	3	416.9		
241	BT63-13	SVe	Nhà biệt thự phố	476.0	95.2	20.00%	3	334.5		
Lô BT64 – 13 Căn		GCNQSD số	CT 933864	5808.0						
242	BT64-01	SVe	Nhà biệt thự phố	416.0	95.2	22.90%	3	334.5	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
243	BT64-02	SVa	Nhà biệt thự phố	433.0	127.4	29.40%	3	416.9		
244	BT64-03	SVa	Nhà biệt thự phố	450.0	127.4	28.30%	3	416.9		
245	BT64-04	SVa	Nhà biệt thự phố	452.0	127.4	28.20%	3	416.9		
246	BT64-05	SVa	Nhà biệt thự phố	428.0	127.4	29.80%	3	416.9		
247	BT64-06	SVc	Nhà biệt thự phố	432.0	108.8	25.20%	3	355.8		
248	BT64-07	SVc	Nhà biệt thự phố	419.0	108.8	26.00%	3	355.8		
249	BT64-08	SVa	Nhà biệt thự phố	447.0	127.4	28.50%	3	416.9		
250	BT64-09	SVa	Nhà biệt thự phố	459.0	127.4	27.80%	3	416.9		
251	BT64-10	SVa	Nhà biệt thự phố	459.0	127.4	27.80%	3	416.9		
252	BT64-11	SVa	Nhà biệt thự phố	459.0	127.4	27.80%	3	416.9		
253	BT64-12	SVa	Nhà biệt thự phố	459.0	127.4	27.80%	3	416.9		
254	BT64-13	SVa	Nhà biệt thự phố	495.0	127.4	25.70%	3	416.9		
Lô BT65 – 10 Căn		GCNQSD số	CT933865	4318.0						
255	BT65-01	Vd1	Nhà biệt thự vườn	433.0	100.3	23.10%	3	315.5	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
256	BT65-02	Vb2	Nhà biệt thự vườn	392.0	110.3	28.10%	3	315.2		
257	BT65-03	Vb2	Nhà biệt thự vườn	392.0	110.3	28.10%	3	315.2		
258	BT65-04	Vb2	Nhà biệt thự vườn	396.0	110.3	27.90%	3	315.2		
259	BT65-05	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	611.0	112.6	18.40%	3	321.3		
260	BT65-06	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	480.0	112.6	23.50%	3	321.3		
261	BT65-07	Vb2	Nhà biệt thự vườn	378.0	110.3	29.20%	3	315.2		
262	BT65-08	Vb2	Nhà biệt thự vườn	378.0	110.3	29.20%	3	315.2		
263	BT65-09	Vb2	Nhà biệt thự vườn	378.0	110.3	29.20%	3	315.2		
264	BT65-10	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	480.0	112.6	23.50%	3	321.3		
Lô BT66 – 6 Căn		GCNQSD số	CT933866	2419.0						
265	BT66-01	Vb1s	Nhà biệt thự vườn	450.0	112.6	25.00%	3	321.3	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
266	BT66-02	Vb1sA	Nhà biệt thự vườn	357.0	104.2	29.20%	3	307.1		
267	BT66-03	Vb1	Nhà biệt thự vườn	390.0	101.1	25.90%	3	282.8		
268	BT66-04	Va1A	Nhà biệt thự vườn	410.0	112.7	27.50%	3	309.4		
269	BT66-05	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	350.0	92	26.30%	3	276		
270	BT66-06	Va1	Nhà biệt thự vườn	462.0	127.6	27.60%	3	337.3		
Lô BT67 – 7 Căn		GCNQSD số	CT933867	2611.0						
271	BT67-01	Vd1	Nhà biệt thự vườn	347.0	100.3	28.90%	3	315.5	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
272	BT67-02	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	350.0	92	26.30%	3	276		
273	BT67-03	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	350.0	92	26.30%	3	276		
274	BT67-04	Vd2	Nhà biệt thự vườn	363.0	93.8	25.90%	3	289.2		
275	BT67-05	Va1A	Nhà biệt thự vườn	413.0	112.7	27.30%	3	309.4		
276	BT67-06	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	350.0	92	26.30%	3	276		
277	BT67-07	Va1	Nhà biệt thự vườn	438.0	127.6	29.10%	3	337.3		
Lô BT68 – 7 Căn		GCNQSD số	CT933868	2573.0						
278	BT68-01	Vd1	Nhà biệt thự vườn	342.0	100.3	29.30%	3	315.5	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
279	BT68-02	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	350.0	92	26.30%	3	276		
280	BT68-03	Vb1sB	Nhà biệt thự vườn	350.0	92	26.30%	3	276		
281	BT68-04	Vd2	Nhà biệt thự vườn	358.0	93.8	26.20%	3	289.2		
282	BT68-05	Va3	Nhà biệt thự vườn	405.0	91.1	22.50%	3	264.4		
283	BT68-06	Vb2	Nhà biệt thự vườn	385.0	110.3	28.70%	3	315.2		
284	BT68-07	Va3ss	Nhà biệt thự vườn	383.0	86.8	22.70%	3	274.5		
Lô BT69 – 16 Căn		GCNQSD số	CT933869	7638.0						
285	BT69-01	SVe	Nhà biệt thự phố	474.0	95.2	20.10%	3	334.5	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
286	BT69-02	SVa	Nhà biệt thự phố	451.0	127.4	28.30%	3	416.9		
287	BT69-03	SVa	Nhà biệt thự phố	451.0	127.4	28.30%	3	416.9		
288	BT69-04	SVa	Nhà biệt thự phố	451.0	127.4	28.30%	3	416.9		
289	BT69-05	SVa	Nhà biệt thự phố	451.0	127.4	28.30%	3	416.9		
290	BT69-06	SVa	Nhà biệt thự phố	451.0	127.4	28.30%	3	416.9		
291	BT69-07	SVa	Nhà biệt thự phố	450.0	127.4	28.30%	3	416.9		
292	BT69-08	SVa	Nhà biệt thự phố	450.0	127.4	28.30%	3	416.9		
293	BT69-09	SVa	Nhà biệt thự phố	450.0	127.4	28.30%	3	416.9		
294	BT69-10	SVa	Nhà biệt thự phố	450.0	127.4	28.30%	3	416.9		
295	BT69-11	SVd	Nhà biệt thự phố	362.0	102.2	28.20%	3	340.6		
296	BT69-12	SVb	Nhà biệt thự phố	636.0	123.8	19.50%	3	410.3		
297	BT69-13	SVb	Nhà biệt thự phố	623.0	123.8	19.90%	3	410.3		
298	BT69-14	SVc	Nhà biệt thự phố	497.0	108.8	21.90%	3	355.8		
299	BT69-15	SVa	Nhà biệt thự phố	459.0	127.4	27.80%	3	416.9		
300	BT69-16	SVa	Nhà biệt thự phố	532.0	127.4	24.00%	3	416.9		
LK01 –05 Căn		GCNQSD số	CT 933834	1013						
301	LK01-01	CN3	Nhà ở liên kế	383	105.5	27.60%	4	572.6	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
302	LK01-02	TH4s	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	363.7		
303	LK01-03	TH3	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	343.2		
304	LK01-04	TH2	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	362.5		
305	LK01-05	TH4	Nhà ở liên kế	160	79.9	50.00%	4	363		
LK02 –06 Căn		GCNQSD số	CT 933835	947						
306	LK02-01	TH4	Nhà ở liên kế	160	79.9	50.00%	4	363	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
307	LK02-02	TH1	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	357.5		
308	LK02-03	TH3	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	343.2		
309	LK02-04	TH2	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50%	4	362.5		
310	LK02-05	TH1	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	357.5		
311	LK02-06	TH4	Nhà ở liên kế	160	79.9	50.00%	4	363		
LK03 –05 Căn		GCNQSD số	CT 933836	790						
312	LK03-01	TH4	Nhà ở liên kế	160	79.9	50.00%	4	363	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
313	LK03-02	TH1	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	357.5		
314	LK03-03	TH2	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	362.5		
315	LK03-04	TH3	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50%	4	343.2		
316	LK03-05	TH4	Nhà ở liên kế	160	79.9	50.00%	4	363		
LK04 –05 Căn		GCNQSD số	CT 933837	952						
317	LK04-01	TH4	Nhà ở liên kế	160	79.9	50.00%	4	363	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
318	LK04-02	TH2	Nhà ở liên kế	157	78.4	50.00%	4	362.5		
319	LK04-03	TH3	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	343.2		
320	LK04-04	TH1	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	357.5		
321	LK04-05	CN2	Nhà ở liên kế	321	116.7	36.30%	4	615		
LK05 –05 Căn		GCNQSD số	CT 933838	1046						
322	LK05-01	CN1	Nhà ở liên kế	416	112.3	27.00%	4	620.1	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
323	LK05-02	TH1	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	357.5		
324	LK05-03	TH3	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	343.2		
325	LK05-04	TH2	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	362.5		
326	LK05-05	TH4	Nhà ở liên kế	160	79.9	50.00%	4	363		
LK06 –05 Căn		GCNQSD số	CT 933839	790						
327	LK06-01	TH4	Nhà ở liên kế	160	79.9	50.00%	4	363	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
328	LK06-02	TH1	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	357.5		
329	LK06-03	TH2	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	362.5		
330	LK06-04	TH3	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	343.2		
331	LK06-05	TH4	Nhà ở liên kế	160	79.9	50.00%	4	363		
LK07 –05 Căn		GCNQSD số	CT 933840	790						
332	LK07-01	TH4	Nhà ở liên kế	160	79.9	50.00%	4	363	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
333	LK07-02	TH3	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	343.2		
334	LK07-03	TH2	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	362.5		
335	LK07-04	TH1	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	357.5		
336	LK07-05	TH4	Nhà ở liên kế	160	79.9	50.00%	4	363		
LK08 –06 Căn		GCNQSD số	CT 933841	1077						
337	LK08-01	TH4	Nhà ở liên kế	160	79.9	50.00%	4	363	- Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004; - Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5510/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 1750/QĐ -UBND ngày 23/5/2018 về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định 4506/QĐ.UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 quyết định 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	
338	LK08-02	TH1	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	357.5		
339	LK08-03	TH2	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	362.5		
340	LK08-04	TH3	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	343.2		
341	LK08-05	TH1	Nhà ở liên kế	156.8	78.4	50.00%	4	357.5		
342	LK08-06	CN3	Nhà ở liên kế	290	105.5	36.40%	4	572.6		
TỔNG CỘNG 342 CĂN										